

Bản án số: 20/2020/HC-PT

Ngày: 20 - 11 - 2020

V/v “*khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Bà Lê Thúy Cầu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 166/2020/TLPT-HC ngày 23 tháng 4 năm 2020 về “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 05-3-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đinh Duy T, sinh năm 1932; địa chỉ: Thôn T An, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q;

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố Q: Ông Nguyễn Anh K, chức vụ Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành S, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, có mặt;

- Ông Đinh Duy L (T), sinh năm 1941; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Trường Trung học Phổ thông V, thị trấn Sơn Tịnh, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;
- Bà Đinh Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T An, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;
- Bà Đinh Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;
- Bà Đinh Thị Bích P, sinh năm 1978; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;
- Bà Đinh Thị P1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;
- Ông Đinh Duy T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;
- Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng thành phố Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, chức vụ Phó Giám đốc Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng thành phố Q, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Đinh Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2019, lời trình bày của ông Đinh Duy T và ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền, thể hiện:

Đề thực hiện dự án Khu dân cư xã N giai đoạn 01 và giai đoạn 02, ngày 07/8/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q ban hành Quyết định số 6306/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Duy T 4.000.000 đồng. Ngày 07/12/2018, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9868/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông 5.000.000 đồng. Không đồng ý với các Quyết định trên, ông Đinh Duy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết: Hủy các Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Duy T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn H bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết: Buộc UBND thành phố Q bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất cho hộ ông Đinh Duy T tại các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 theo các chứng thư kiến điền của cha, mẹ ông Đinh Duy T để lại.

Căn cứ người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q như sau:

Các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 đều thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông Đinh Duy T. Nguồn gốc của các thửa đất do cha, mẹ ông Đinh Duy T để lại và có chứng thư kiến điền được quy định Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Quá trình sử dụng các thửa đất thì không có tranh chấp với ai.

Các lập luận và các căn cứ mà UBND thành phố Q đưa ra là không có căn cứ, vì 05 thửa đất của ông Đinh Duy T không thuộc trường hợp bị thu hồi; gia đình ông T không thể canh tác, sử dụng các thửa đất là do đất bị nhiễm mặn, đây là lý do khách quan.

Năm 1988, UBND xã N thỏa thuận với ông về việc thu hồi 02 thửa đất số 728 và 729 để san lấp mặt bằng xây dựng khu dân cư. UBND thành phố Q đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho ông Lê K, ông Đỗ Văn Lương và ông Đinh Duy Dung và đã có phương án bồi thường cho các hộ này. Việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ này là vi phạm pháp luật đất đai. Việc giao đất cho người khác sử dụng bắt buộc phải ra Quyết định thu hồi đất cho người đang trực tiếp sử dụng thửa đất. Năm 1975, ông T không còn trực tiếp sử dụng và đã được Nhà nước quản lý; nhưng thực tế từ đó đến nay chưa hề có một văn bản nào ghi nhận việc thu hồi đất của ông T. Đối với thửa đất số 35, nay là thửa đất 262 do Hợp tác xã cấp cho ông Lê K, việc cấp GCNQSDĐ này xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T; vì Hợp tác xã không có thẩm quyền cấp đất. Đối với thửa đất số 734 và thửa đất 873, UBND cho rằng ông Đỗ Văn Lương, ông Đinh Duy Dung đã khai hoang thửa đất, trong khi khu vực đất này bị nhiễm mặn không thể canh tác.

- UBND thành phố Q đã áp dụng sai các quy định pháp luật, cụ thể: UBND cho rằng gia đình ông T thuộc một trong các trường hợp theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 23/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 là không đúng, bởi lẽ: Đối tượng của Nghị Quyết là *“nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo XHCN trước ngày 01/7/1991”*. Như vậy, Nghị quyết chỉ có giá trị đối với các trường hợp Nhà nước thực hiện chính sách từ ngày 01/7/1991 trở về trước. Đối với các thửa đất gia đình ông bị chính quyền cấp sai cho các đối tượng từ năm 1997, do vậy không thể là đối tượng của Nghị quyết này. Thực tế, UBND thành phố Q chưa có văn bản nào là thu hồi đất của hộ gia đình ông T; khi thực hiện các dự án, UBND thành phố Q đã không ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất đối với hộ gia đình ông Đinh Duy T tại 05 thửa đất nêu trên là chưa đúng pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Vì vậy, ông Đinh Duy T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện, hủy các Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q và buộc UBND thành phố Q phải bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích đất cho hộ ông Đinh Duy T tại các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 theo các chứng thư kiến điền của cha, mẹ ông Đinh Duy T để lại.

2. Người bị kiện UBND thành phố Q trình bày tại văn bản số 6472/UBND-NC ngày 03/12/2019:

Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1) được UBND thành phố Q giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố (Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển

quỹ đất thành phố) thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (trong phạm vi thực hiện dự án có hộ ông Đinh Duy T).

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã tiến hành kiểm kê, được UBND xã N xác nhận nguồn gốc thửa đất của ông Đinh Duy T (xác nhận tại Công văn số 21/UBND ngày 28/5/2018). Trên cơ sở đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã lập phương án trình phê duyệt, UBND thành phố ban hành Quyết định số 9601/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu dân cư N (giai đoạn 1) thành phố Q (phương án bổ sung theo Công văn số 4301/UBND-XD ngày 20/7/2018 của UBND thành phố Q), trong đó có hộ ông Đinh Duy T. UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ Đinh Duy T thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1).

Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) được UBND thành phố Q giao nhiệm vụ cho Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố làm chủ đầu tư và thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ ông Đinh Duy T.

Đối với phần diện tích đất 281,77m² thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) mà ông Đinh Duy T yêu cầu bồi thường: Trên cơ sở xác nhận của UBND xã N về nguồn gốc các thửa đất của ông Đinh Duy T, có nội dung: “*Qua kiểm tra hồ sơ quy hoạch năm 1998 thì phía Đông các thửa 739, diện tích 670m² (chứng thư kiến điền năm 1963 là thửa 144), thửa đất 728, diện tích 810m² (chứng thư kiến điền năm 1963 là thửa 145), thửa đất số 729, diện tích 680m² (chứng thư kiến điền năm 1963 là thửa đất 148) có 01 lối đi, trong quá trình quy hoạch phân lô được duyệt thì con đường này được quy hoạch mở rộng 03m theo sơ đồ phân lô mặt bằng vào năm 1998. Các thửa đất số 728, 729, 739 đã được UBND huyện T thu hồi hết toàn bộ diện tích để làm khu dân cư phía Đông Trường tiểu học*”. Phần diện tích 281,77m² ông Đinh Duy T yêu cầu bồi thường thuộc 01 phần diện tích của 03 thửa đất số 728, 729, 739 được quy hoạch mở rộng 03m làm đường nội bộ khu dân cư, do đó không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Về số lượng cây trồng trên diện tích đất 281,77m²; Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố phối hợp cùng UBND xã N tiến hành lập Biên bản khảo sát, kiểm kê đối với số lượng dừa của ông Đinh Duy T trồng trên đất giao thông nội bộ khu dân cư, nằm trong quy hoạch dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) là 08 cây dừa. Trên cơ sở xác nhận của UBND xã N tại Công văn số 25/UBND ngày 06/6/2018, Ban quản lý dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ 08 cây dừa trên cho ông Đinh Duy T thuộc phương án đợt 3 và bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T thuộc phương án đợt 3 và bổ sung đợt 1. UBND thành phố phê duyệt phương án tại Quyết định số 5793/QĐ-UBND ngày 25/7/2018, ban hành Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) thành phố Q đợt 3 và bổ sung đợt 1.

Việc UBND thành phố Q ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T tại các Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018; Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 là đúng quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1 Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q có ý kiến tại văn bản số 1146/BQL ngày 14/11/2019 và tại phiên tòa như sau:

Đối với Khu dân cư N (giai đoạn 1): Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 01) được UBND huyện T phê duyệt tại các Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 12/11/2009; Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 và Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND thành phố Q, về việc phê duyệt dự án Đầu tư Xây dựng công trình: Khu dân cư N (giai đoạn 1). Trên cơ sở đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T khảo sát, kiểm kê lập phương án bồi thường và được UBND huyện T lập phương án phê duyệt, bồi thường tại Quyết định số 6429/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân và đất công ích của UBND xã để xây dựng Dự án. Tháng 4/2014, xã N sáp nhập về địa bàn thành phố Q, ông Đinh Duy T có đơn khiếu nại ngày 16/4/2018 và yêu cầu bồi thường về đất của 03 sổ chứng thư kiến điền tại các thửa đất số 144, 145, 148, tờ bản đồ 05 và đất trồng Dừa. Ngày 08/6/2018, UBND thành phố Q ban hành Thông báo số 1318/TB-UBND trả lời đơn khiếu nại cho ông Đinh Duy T là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Ngày 20/7/2018, UBND thành phố ban hành Công văn số 4301/UBND-XD yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố hỗ trợ UBND xã N khảo sát, kiểm kê và lập phương án bồi thường để hoàn thành dự án Khu dân cư (giai đoạn 1) và đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với chủ đầu tư UBND xã N và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, kiểm kê và lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T.

Nguồn gốc sử dụng đất, diện tích đất ông T thuộc phạm vi thu hồi dự án: Khu dân cư xã N (giai đoạn 1) và đối chiếu bản đồ 1993, đất trồng dừa là đất bờ ruộng dùng để phục vụ việc đi lại canh tác, sản xuất nông nghiệp. Theo bản đồ quy hoạch khu dân cư năm 1998, đất bờ ruộng này được quy hoạch và mở rộng lên 3m làm đường giao thông nội bộ Khu dân cư. Do đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1) thành phố Q; chỉ bồi thường cho hộ ông Đinh Duy T về cây cối với số lượng là 10 cây dừa đang cho quả và được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 9601/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 về phê duyệt, giá trị bồi thường cho hộ ông T là 5.000.000đ.

Khu dân cư N (giai đoạn 2): Hộ ông T có tài sản là 18 cây dừa nằm trong quy hoạch dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1 và 2). Về dự án khu dân cư N (giai đoạn 2) có 08 cây dừa, vị trí 08 cây dừa nằm trong phần đất đắp Taluy bảo vệ san nền vỉa hè phía Tây tuyến đường số 3 tương ứng với vị trí 12.3-1, tờ bản đồ số 01. Bản đồ địa

chính khu đất được đo đạc bổ sung, chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 12, xã N, thành phố Q để làm thủ tục thu hồi đất và giao đất công trình dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 27/12/2017, diện tích 213,7m², diện tích thu hồi 117,3m², loại đất DGT (đất giao thông).

Để đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khu dân cư N (giai đoạn 2), Ban quản lý dự án phối hợp với UBND xã nghĩa P và các đơn vị liên quan tổ chức buổi tiếp công dân ngày 29/3/2018, tại UBND xã N, trong đó có hộ ông T. Ngày 16/4/2018, ông Đinh Duy T có đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường 03 sổ chứng thư kiến điền các thửa đất số 144, 145, 148, tờ bản đồ số 05 và đất trồng dừa.

Theo Công văn số 21/UBND ngày 28/5/2018, của UBND xã N xác nhận: Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 05, chứng thư kiến điền năm 1963: Đối chiếu theo bản đồ năm 1993 là thửa đất số 739, diện tích 670m², tờ bản đồ 03, loại đất 1L. Thửa đất 145, tờ bản đồ 05, chứng thư kiến điền lập năm 1963: Đối chiếu bản đồ năm 1993 là thửa đất số 728, diện tích 810m², tờ bản đồ 03, loại đất 1L. Thửa đất số 148, tờ bản đồ 05, chứng thư kiến điền lập năm 1963: Đối chiếu bản đồ năm 1993 là thửa đất số 729, diện tích 680, tờ bản đồ 3, loại đất 1L. Đất trồng Dừa: Đối chiếu bản đồ 1993 là đất bờ ruộng.

Về quá trình sử dụng đất: Căn cứ vào nguồn gốc đất các thửa đất nêu trên; Công văn số 21/UBND ngày 28/5/2018; Biên bản thỏa thuận UBND xã N và ông Đinh Duy T lập 28/02/1998 về việc giao diện tích đất lúa bị nhiễm mặn cho UBND xã quy hoạch khu dân cư và bản đồ địa chính khu đất được đo đạc bổ sung, chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 12, xã N để làm thủ tục thu hồi đất và giao đất công trình dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) do Công ty TNHH Kỹ thuật đo đạc Địa chính Quảng Ngãi đo vẽ năm 2017, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 27/12/2017, thì quá trình sử dụng đất của các thửa đất như sau:

+ Thửa đất số 144 (bản đồ năm 1993 là thửa đất số 739): Hợp tác xã Nông nghiệp A quản lý sử dụng, khi quy hoạch Trường Tiểu học thì đã sử dụng một nửa diện tích đất này. Diện tích còn lại được quy hoạch làm khu dân cư phía Đông Trường Tiểu học (theo bản vẽ quy hoạch là khu dân cư năm 1998, do UBND xã N thực hiện).

+ Thửa đất số 145 (bản đồ năm 1993 là thửa đất số 728): Tại Biên bản làm việc thỏa thuận giữa UBND xã N và ông Đinh Duy T lập ngày 28/02/1998, có nội dung: *“Ông giao toàn bộ diện tích đất lúa cho địa phương để san lấp mặt bằng sau đó địa phương sẽ giao lại cho ông ½ diện tích chủ hộ đã giao (theo quy hoạch bản vẽ cho phép)”*. Như nội dung thỏa thuận trên, ông Đinh Duy T đã bàn giao toàn bộ diện tích thửa đất số 728, diện tích 810m² cho UBND xã N san lấp mặt bằng làm khu dân cư năm 1998.

+ Thừa đất số 148 (bản đồ năm 1993 là thừa đất số 729): Qua kiểm tra Biên bản làm việc về việc thỏa thuận giữa UBND xã N và ông Đinh Duy T lập ngày 28/02/1998, có nội dung: “*Ông giao toàn bộ diện tích đất lúa cho địa phương để san lấp mặt bằng sau đó địa phương sẽ giao lại cho ông ½ diện tích chủ hộ đã giao (theo quy hoạch bản vẽ cho phép)*”. Như nội dung thỏa thuận trên, ông Đinh Duy T đã bàn giao toàn bộ diện tích thừa đất số 729, diện tích 680m² cho UBND xã N san lấp mặt bằng làm khu dân cư năm 1998.

Đất trồng dừa (bản đồ 1993 là đất bờ ruộng): Đất bờ ruộng dùng để phục vụ việc đi lại canh tác, sản xuất nông nghiệp. Tại thời điểm quy hoạch Khu dân cư năm 1998 thì đất bờ ruộng được quy hoạch và mở rộng lên 3m làm đường giao thông nội bộ Khu dân cư năm 1998.

Về ranh giới quy hoạch để thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2): Căn cứ bản đồ địa chính khu đất được đo đạc bổ sung, chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 12, xã N, thành phố Q để làm thủ tục thu hồi đất và giao đất công trình dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2), được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi thẩm định ngày 27/12/2017 thì ranh giới quy hoạch khu dân cư N có chồng lấn lên một phần diện tích đường nội bộ phía Đông khu dân cư năm 1998. Thể hiện sự chồng lấn quy hoạch này là thừa đất số 12.3-1, diện tích 213,7m², loại đất DGT (đất giao thông), diện tích thu hồi là 117,3m². Diện tích thừa đất của ông Đinh Duy T yêu cầu bồi thường về đất nằm trong diện tích thu hồi là đất giao thông nội bộ Khu dân cư năm 1998 là đất giao thông nội bộ.

Từ những cơ sở nêu trên thì nội dung yêu cầu bồi thường về đất của ông Đinh Duy T không có cơ sở để xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 1998.

Về bồi thường cây cối: Qua nội dung Biên bản thỏa thuận giữa UBND xã N và ông Đinh Duy T lập ngày 28/2/1998, có nội dung: “*Sau này hộ nào sử dụng lô đất được cấp, cây dừa nằm trong lô đất nào thì hộ đó phải trả tiền lại ông Đinh Duy T có công trồng*” và Công văn số 25/UBND của UBND xã N về việc xác nhận chủ sở hữu cây dừa thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1 + 2) thì ông T được bồi thường 08 cây dừa. Ban quản lý dự án phối hợp với UBND xã N và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát, kiểm kê, lập phương án bồi thường 08 cây dừa cho hộ ông T có trên thừa đất 12.3 -1, nhưng ông Đinh Duy T không ký vào biên bản vì ông cho rằng đất đường đi có trồng dừa là đất của ông chứ không phải là đất của UBND xã N quản lý.

Ngày 25/7/2018, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 5793/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 3 và bổ sung đợt 1 dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) và Quyết định số 5801/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của UBND xã N đang quản lý, thuộc địa bàn xã N để xây dựng dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) và Quyết định số 6306/QĐ-

UBND ngày 07/8/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) đợt 3 và bổ sung đợt 01, trong đó có bồi thường hộ ông T với giá trị 4.000.000đ.

3.2 UBND xã N ý kiến tại các văn bản số 104/UBND ngày 16/12/2019 và số 72/UBND ngày 20/9/2019:

Năm 1982, Hợp tác xã nông nghiệp A thành lập và vận động nhân dân đưa đất vào Hợp tác xã nông nghiệp. Thời điểm này ông M, bà T đã chết; ông Đinh Duy T không có mặt tại địa phương, bà Nguyễn Thị H là vợ ông T đưa các thửa đất nông nghiệp của gia đình vào Hợp tác xã nông nghiệp, với nguyện vọng xin để lại 03 sào đất từ hàng dừa trở lên để làm ăn cá thể (năm 1993 phần diện tích đất này được đo vẽ thành thửa đất số 728, diện tích 810m²; thửa đất số 729, diện tích 680m², đất lúa, tờ bản đồ số 03, xã N) và được Hợp tác xã nông nghiệp chấp nhận. Sau đó, phần diện tích đất này được quy hoạch làm khu dân cư phía Đông Trường Tiểu học. Hộ ông Đinh Duy T thống nhất giao diện tích của 02 thửa đất: Thửa đất số 728, diện tích 810m²; thửa đất số 729, diện tích 680m², cùng loại đất lúa, tờ bản đồ số 03, xã N để làm khu dân cư và được đổi lại 08 lô đất ở có nộ tiền sử dụng đất.

Năm 1998, UBND huyện T ban hành Quyết định số 290/QĐ-UB ngày 12/8/1998 về việc duyệt kế hoạch giao đất xây dựng khu dân cư nông thôn năm 1998 cho xã N và Quyết định số 291/QĐ-UB ngày 12/8/1998 về việc thu hồi đất của UBND xã N để đưa vào kế hoạch quy hoạch khu dân cư nông thôn để thực hiện khu dân cư. Đối với diện tích đất đường đi nội bộ khu dân cư (trên đất có hàng dừa của ông T) đã được quy hoạch trong khu dân cư và là đất giao thông sử dụng công cộng. Hồ sơ địa chính: Đối chiếu các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, tờ bản đồ 05 (đo vẽ năm 1963) thì: Tại sổ mục kê các thửa đất số 734, 873, 875, tờ bản đồ 03, xã N. Bản đồ địa chính năm 2004 các thửa đất số 734, 873, 875, thuộc tờ bản đồ số 03, xã N. Bản đồ Vlap năm 2010 các thửa đất 245, 260, 310, 191, 262, tờ bản đồ số 12, xã N.

Quá trình biến động, sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất đối với các thửa đất 35, 94, 95, 96, 140, tờ bản đồ 05 (đo vẽ năm 1963), cụ thể: Nguyên các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, tờ bản đồ 05, thôn C, xã Tư H2, quận T (nay là N, thành phố Quảng Ngãi) là của vợ chồng ông Đinh M và bà Trần Thị T tạo mãi.

Năm 1982, Hợp tác xã nông nghiệp A thành lập và vận động nhân dân đưa đất vào Hợp tác xã nông nghiệp, hầu hết người dân đều đưa đất vào Hợp tác xã. Thời điểm này ông M, bà T chết; ông T không có mặt tại địa phương, gia đình ông T đưa tất cả các thửa đất nông nghiệp vào Hợp tác xã, trong đó có các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, với nguyện vọng xin để lại 03 sào đất từ hàng dừa trở lên (gần Trường Tiểu học N hiện hay) để làm ăn cá thể. Năm 1993 đo vẽ thành thửa đất số 728, diện tích 810 m²; thửa đất số 729, diện tích 680m², cùng loại đất lúa, tờ bản đồ số 03, xã N và được giao cho Đội sản xuất số 05 sản xuất làm ăn tập thể.

Đối với thửa đất số 35 - Đội sản xuất số 5 giao khoán cho hộ ông Lê K sản xuất liên tục, đến năm 1993 được đo vẽ thành thửa đất số 875, diện tích 645m², loại đất L, tờ bản đồ 03. Năm 1998, UBND xã giao thửa đất này cho ông Lê K sử dụng theo Nghị định số 64/CP và hộ ông Lê K được UBND huyện T cấp GCNQSD đất thửa đất số 875, diện tích 645m² tại Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 24/12/1998. Ngày 25/11/2011, UBND huyện T cấp đổi lại GCNQSD đất theo dự án Vlap cho hộ ông Lê K tại thửa đất số 262, diện tích 675,7m², loại đất Luc, tờ bản đồ 12, xã N. Đối với các thửa đất 94, 95, 96, 140, Đội sản xuất số 5 tổ chức sản xuất không đạt hiệu quả; tiếp đến giao cho các hộ xã viên nhưng không hộ nào nhận sản xuất, vì các thửa này do là ruộng nước mặn, cỏ lác mọc nhiều, không sản xuất được nên cũng để hoang hóa cho đến khi Hợp tác xã nông nghiệp giải thể. Năm 1993, các thửa đất trên được đo vẽ thành các thửa đất 734, diện tích 2540m²; thửa đất số 873, diện tích 1310m², đều thuộc loại đất Hg, tờ bản đồ số 3, xã N, được UBND xã quản lý thể hiện tại Sổ mục kê ruộng đất tại trang số 21 và trang số 25. Tuy nhiên, vẫn không phân bổ cho hộ xã viên nào sản xuất nông nghiệp và cũng không cân đối đưa vào quỹ đất công ích của xã theo Nghị định 64/CP của Chính phủ.

Về hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp của ông Đình Duy T từ năm 1981 đến nay: Sau khi vào Hợp tác xã nông nghiệp A, bà Nguyễn Thị H (vợ ông Đình Duy T) xin để lại 03 sào đất từ hàng dừa trở lên (gần Trường Tiểu học N hiện nay) để làm ăn cá thể (năm 1993 đo vẽ thành thửa đất số 728, diện tích 810m²; thửa đất số 729, diện tích 680 m², cùng loại đất lúa, tờ bản đồ 3, xã N) và được Hợp tác xã nông nghiệp A chấp nhận. Sau đó, phần diện tích đất này được quy hoạch làm Trường Tiểu học và quy hoạch khu dân cư phía Đông Trường Tiểu học và hộ ông T được đổi lại 08 lô đất ở.

3.3 Bà Đình Thị H, ông Đình Duy T, bà Đình Thị Bích P, bà Đình Thị P1, bà Đình Thị H2, bà Đình Thị H1, ông Đình Duy L trình bày: Thống nhất với việc khởi kiện của ông Đình Duy T, không có ý kiến gì và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ý kiến của ông Tạ Văn P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đình Duy T:

Nguồn gốc các thửa đất 35, 94, 95, 96 và 140 là của cha, mẹ ông T để lại cho ông Đình Duy T và có chứng thư kiến điền, là giấy tờ có căn cứ pháp lý để chứng minh về nguồn gốc đất. UBND thành phố Q không căn cứ vào chứng thư kiến điền để xem xét bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông T là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông T.

Các thửa đất trên mặc dù bị nhiễm mặn, nhưng gia đình ông T vẫn canh tác, sử dụng liên tục và thường xuyên nên không cần phải đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất với Nhà nước. Khi thực hiện các dự án, UBND thành phố Q đã không bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình ông T tại các thửa đất 35, 94, 95, 96, 140 là không

đúng pháp luật. Gia đình ông Đinh Duy T đã có đơn khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2, 3 Điều 69; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Duy T về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6309/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) thành phố Q – đợt 3 và bổ sung đợt 1;

- Hủy Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T xã N, thành phố Q thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 18/3/2020, ông Đinh Duy T kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đinh Duy T trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Ông T tự nguyện rút yêu cầu về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và không nhờ luật sư Tạ Văn P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông tại phiên tòa xét xử hôm nay, ông tự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại cấp phúc thẩm. Các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 có nguồn gốc do cha, mẹ ông để lại và có chứng thư kiến điền, quá trình sử dụng không có tranh chấp với ai. Nay Nhà nước thu hồi thì đề nghị giải quyết đảm bảo quyền lợi cho ông. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 theo chứng thư kiến điền mà ông T trình bày đã được gia đình ông T tự nguyện giao vào Hợp tác xã quản lý. Tuy nhiên, Nhà nước đã có thỏa thuận với ông T và giải quyết cho ông T 08 lô đất khác. Do vậy, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6309/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) thành phố Q – đợt 3 và bổ sung đợt 1 và Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T xã N, thành phố Q thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1) là đúng pháp luật.

Đại diện UBND xã N trình bày: Gia đình ông T đã tự nguyện giao thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 vào Hợp tác xã quản lý. Ông T thỏa thuận là nhận lại ½ diện tích là 750m² và đã được Nhà nước giải quyết cho ông T 08 lô đất khác và hiện nay ông

T đã nhận đất. Do vậy, Nhà nước có quyết định thu hồi thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 là đúng pháp luật. Đối với đất trồng dừa, thì cây dừa được trồng trên đất đường đi. Do vậy, dừa là của ông T, còn đất là của Nhà nước. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng thành phố Q trình bày: Thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 gia đình ông T đã tự nguyện đưa vào Hợp tác xã quản lý. Ông T đã thỏa thuận và ký vào Biên bản, sau đó ông trực đã được Nhà nước giải quyết cho 08 lô đất và đã nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Đinh Duy T là trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút yêu cầu về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và không nhờ luật sư Tạ Văn P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

Các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, 144 theo chứng thư kiến điền là của bố mẹ ông T đã được hộ gia đình ông T đưa vào Hợp tác xã để làm ăn tập thể; còn lại thửa 145, 148 thì ông T thỏa thuận giao UBND xã san lấp mặt bằng và trích lại cho ông ½ diện tích đất thổ cư và việc này đã thực hiện xong. Do vậy, ông T không còn đất để yêu cầu bồi thường.

Đất trồng dừa là đất bờ ruộng dùng để đi lại phục vụ việc đi lại sản xuất nông nghiệp. Năm 1998 quy hoạch khu dân cư thì đất bờ ruộng này quy hoạch thành đường giao thông nội bộ 3m. Do đó, không phải là đất của ông T nên ông T không có quyền yêu cầu bồi thường. UBND thành phố Q bồi thường 18 cây dừa cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đinh Duy T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Vào ngày 18/3/2020, ông Đinh Duy T kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, kháng cáo của ông Đinh Duy T là trong thời hạn luật định, do đó được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút yêu cầu về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và không nhờ luật sư Tạ Văn P bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận và tiến hành xét xử án án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Đinh Duy T:

[2.1] Quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 07/8/2018, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6306/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Duy T, thường trú tại thôn T An, xã N, thành phố Q thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2), thành phố Q - đợt 3 và bổ sung đợt 1. Ngày 07/12/2018, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9868/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Đinh Duy T, địa chỉ thường trú xã N, thành phố Q thuộc dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1), phương án lập bổ sung theo công văn số 4301/UBND-XD ngày 20/7/1018 của UBND thành phố Q. Không đồng ý với các Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 và Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q, ông Đinh Duy T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy các Quyết định số 6306/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 và Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q. Đây là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về nguồn gốc đất:

Các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, tờ bản đồ số 05, thôn C, xã Tư H2, quận T (nay là xã N, thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi là của vợ chồng ông Đinh M và bà Trần Thị T (là cha mẹ ông Đinh Duy T) tạo mãi, được Trưởng Ty Điền địa Quảng Ngãi cấp chứng thư kiến điền ngày 20/3/1969. Sau khi ông Đinh M và bà Trần Thị T chết, các thửa đất trên do vợ chồng ông Đinh Duy T quản lý, sử dụng. Năm 1982, ông Đinh Duy T không có mặt ở địa phương, bà Nguyễn Thị H là vợ ông Đinh Duy T đưa các thửa đất của hộ gia đình vào Hợp tác xã nông nghiệp A và có nguyện vọng xin lại 03 sào trước ngõ Trường cấp I và II để làm ăn cá thể và được Hội đồng cấp đất xã N thống nhất giải quyết theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị H (bút lục số 83, 92). Sau khi các thửa đất được bà H đưa vào Hợp tác xã, đã biến động như sau: Theo bản đồ đo vẽ năm 1993, các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140, tờ bản đồ số 05 biến động thành các thửa đất số 734, 873, 875, tờ bản đồ số 03. Theo sổ mục kê do UBND xã N quản lý, thể hiện: Thửa đất số 734, diện tích 2.540m² và thửa đất số 873, diện tích 1.310m², đều là loại đất Hg, chủ sử dụng đất UBND xã quản lý; thửa đất số 875, diện tích 645m², loại đất L, chủ sử dụng ông Lê K. Năm 1998, UBND xã giao thửa đất số 875 cho ông Lê K sử dụng theo Nghị định 64/CP và ông K đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ theo Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 24/12/1998. Ngày 25/11/2011, UBND huyện T cấp đổi GCNQSDĐ theo dự án VLAP cho hộ ông Lê K tại thửa đất số 262, diện tích 675,7m², tờ bản đồ số 12, xã

N, loại đất lúa. Thực tế, trước khi quy hoạch Khu dân cư nông thôn xã N năm 1998, các thửa đất này hộ ông Đinh Duy T không trực tiếp quản lý, sử dụng. Như vậy, các thửa đất số 35, 94, 95, 96, 140 đã được đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp A, hiện nay UBND xã N quản lý và một phần diện tích đất được giao cho hộ ông Lê K, thể hiện tại sổ đăng ký ruộng đất (bút lục số 88, 89).

Đối với 03 sào đất bà H được giao, năm 1993 đo vẽ thành thửa đất số 728, với diện tích 810m² và thửa đất số 729, với diện tích 680m², cùng tờ bản đồ số 3, xã N, loại đất lúa. Do diện tích đất lúa bị nhiễm mặn, ngày 28/02/1998 ông Đinh Duy T thỏa thuận giao toàn bộ thửa đất số 728, diện tích 810m² và thửa đất số 729, diện tích 680m², cùng tờ bản đồ số 3, xã N, loại đất lúa cho UBND xã N để san lấp mặt bằng, quy hoạch Khu dân cư. Sau khi san lấp xong, ông Đinh Duy T sẽ được giao lại ½ diện tích đất đã giao cho UBND xã (bút lục số 84). Tại Biên bản ngày 08/01/2005 về việc giao mốc giới diện tích đất ở trong khu quy hoạch dân cư phía Đông Trường tiểu học và theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/02/1998, hộ ông Đinh Duy T giao 1.490m² đất để san lấp thì được quy đổi lấy ½ diện tích là 750m² đất thổ cư. Ông T đã nhận được 450m² đất, gồm các lô số 8, 9, 12, 13, 16; diện tích đất ông T còn thiếu là 300m² tiếp tục được UBND xã giao 339m² tại các lô số 17, 20, 21. Như vậy, thỏa thuận ngày 28/02/1998 giữa ông Đinh Duy T với UBND xã N đã thực hiện xong và thực tế ông T được nhận diện tích đất nhiều hơn như thỏa thuận. Cụ thể, hiện ông Đinh Duy T đang quản lý, sử dụng 08 lô đất, gồm các lô số 8, 9, 12, 13, 16, 17, 20, 21.

[2.3] Đối với diện tích đất trồng Dừa:

Trước khi quy hoạch năm 1998, đất bờ ruộng dùng để phục vụ việc đi lại canh tác, sản xuất nông nghiệp của người dân. Năm 1998, quy hoạch mở rộng lên 3m để làm đường giao thông nội bộ khu dân cư. Căn cứ bản đồ địa chính khu đất được đo đạc bổ sung, chỉnh lý tờ bản đồ số 12, xã N, thành phố Q (giai đoạn 2) đo vẽ và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 27/12/2017, thì ranh giới quy hoạch khu dân cư N giai đoạn 2 chồng lên một phần diện tích đường bộ phía Đông khu dân cư năm 1998. Cụ thể, chồng lấn quy hoạch là thửa đất số 12.3-1, diện tích 213,7m², loại đất DGT (đất giao thông), diện tích thu hồi 117,3m². Diện tích ông Đinh Duy T yêu cầu bồi thường về đất nằm trong diện tích thu hồi là đất giao thông nội bộ khu dân cư năm 1998. Như vậy, đối với đất trồng Dừa đã được quy hoạch khu dân cư năm 1998 và do Nhà nước quản lý. Trong quá trình thực hiện dự án Khu dân cư xã N, Ban quản lý dự án thành phố Q đã tiến hành lập Biên bản kê khai tài sản trên đất của ông Đinh Duy T đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, ông Đinh Duy T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ làm thay đổi nội dung vụ án.

[3] Với những nội dung đã được phân tích tại các tiểu mục [2.1], [2.2], [2.3], [2.4] nêu trên và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2020/HC-ST ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Duy T là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Đinh Duy T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Duy T là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí, do vậy ông Đinh Duy T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Đinh Duy T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204 Luật Tổ tụng hành chính. Khoản 2, 3 Điều 69; khoản 1 Điều 75; khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Duy T về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6309/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 2) thành phố Q – đợt 3 và bổ sung đợt 1;

- Hủy Quyết định số 9868/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Đinh Duy T xã N, thành phố Q thuộc Dự án Khu dân cư N (giai đoạn 1).

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Duy T không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Phạm Việt Cường

Lê Thúy Cầu

Trần Quốc Cường